

Bản án số: 26/2022/HSST
Ngày: 04/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, bà Hoàng Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn B**, sinh năm 1982, tại tỉnh Thanh Hoá; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đ, đã chết và bà T, đã chết; Nhân thân: Bị cáo sáu lần có hành vi phạm tội và bị xét xử: Bản án số 29/1999/HSST ngày 29/5/1999 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 44/2000/HSST ngày 22/12/2000 của TAND huyện Đắc Nông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Bản án số 106/2004/HSST ngày 28/4/2004 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Bản án số 20/2008/HSST ngày 20/02/2008 của TAND Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản; Bản án số 29/2009/HSST ngày 30/3/2009 của TAND Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 02 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản; Bản án số 75/2011/HSST ngày 18/8/2011 của TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*các bản án nêu trên của bị cáo đã được xóa án tích theo quy định của BLHS*). Tiền án, tiền sự: 02 tiền án, Bản án

số 09/2018/HSST ngày 30/3/2018, của TAND huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, ngày 27/11/2018 chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích). Bản án số 67/2019/HSST ngày 25/11/2019, của TAND thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, ngày 12/12/2020 chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích). Bị bắt tạm giữ ngày 24/2/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Chị D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, xin vắng mặt

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/02/2022, Ngô Văn B đi quanh khu vực xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil tìm nhà người dân nào để tài sản sơ hở thì vào trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi qua khu vực thôn Đ, xã Đ, huyện Đ thì phát hiện công nhà chị D không đóng nên Ngô Văn B đi bộ vào nhà, đi lên lầu 2 thì phát hiện chị D đang nằm ngủ trong phòng, phía trên đầu giường để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen, giường bên cạnh để 01 túi xách màu đen, Ngô Văn B lấy trộm điện thoại và túi xách rồi đi vào rẫy cà phê của người dân cách nhà chị D khoảng 01 km, kiểm tra trong túi nhưng không có tiền nên vứt vào vườn cà phê và ngủ tại đây. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày sợ bị phát hiện nên Ngô Văn B đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đầu thú và giao nộp tang vật là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen. Tại Cơ quan điều tra, Ngô Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL - HĐĐGTS ngày 28/02/2022, của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen có giá trị là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 28/CTr – VKS ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo Ngô Văn B về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D cáo trạng truy tố là đúng không oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ

nguyên quyết định truy tố bị cáo Ngô Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn B mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen cho chị D.

- Về trách nhiệm dân sự: chị D không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/2/2022, tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Ngô Văn B đã lén lút trộm cắp của chị D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen có giá trị là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tuy nhiên, bản thân bị cáo chưa được xóa án tích tại Bản án số 09/2018/HSST ngày 30/3/2018, của TAND huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, ngày 27/11/2018 chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích) và Bản án số 67/2019/HSST ngày 25/11/2019, của TAND thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo quy định

tại khoản 1 Điều 173 BLHS, ngày 12/12/2020 chấp hành xong hình phạt (chưa được xóa án tích) đến ngày 24/02/2022 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Như vậy, bị cáo Ngô Văn B chịu tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.”

.....

[4] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình đã gây ra.

[5] Nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo đã bị xét xử: Bản án số 29/1999/HSST ngày 29/5/1999, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 155 BLHS năm 1985, bị cáo được trả tự do tại phiên tòa. Bản án số 44/2000/HSST ngày 22/12/2000, của TAND huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, ngày 01/3/2002 chấp hành xong hình phạt tù, lần phạm tội này bị can trộm cắp 1.776.000 đồng. Bản án số 106/2004/HSST ngày 28/4/2004, của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, lần phạm tội này giá trị tài sản bị trộm cắp là 845.000 đồng. Bản án số 20/2008/HSST ngày 20/02/2008, của TAND Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt

01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, ngày 16/11/2008 chấp hành xong hình phạt. Bản án số 29/2009/HSST ngày 30/3/2009, của TAND Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 02 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, ngày 29/10/2010 chấp hành xong hình phạt. Bản án số 75/2011/HSST ngày 18/8/2011, của TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, ngày 10/11/2013 chấp hành xong hình phạt (*đối với tất cả các bản án nêu trên bị cáo đã được xóa án tích theo quy định của BLHS*).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo đã ra đầu thú về hành vi vi phạm tội của mình. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị D không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil đã trả lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen cho chị D là các chủ sở hữu hợp pháp.

[10] Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Ngô Văn B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Ngô Văn B 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 24/02/2022.
3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil trả lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen cho chị D.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Ngô Văn B phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy